

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2019

Về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Xuân Tùng**
2. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Lê Mai Ly** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Nhã Minh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trịnh Thị Thùy T** - Sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: 539 đường X, tổ 16, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ nơi ở: 200 đường K, quận H, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Hữu P** - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: 539 đường X, tổ 16, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05.8.2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị Thùy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Thùy T và ông Lê Hữu P kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà ở tại nhà cha mẹ chồng số 539 đường X - Thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, bà T cho

rằng do bất đồng tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ to tiếng, ông P nhiều lần đánh bà. Vì vậy, bà đã bỏ đi khỏi nhà từ khoảng tháng 07 năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nên bà Trịnh Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Hữu P.

- Về con chung: Bà Trịnh Thị Thùy T xác định vợ chồng có ba con chung là Lê Uyên Uyên N (sinh ngày 17/7/2013), Lê Hữu Thiện M (sinh ngày 05/11/2015) và Lê Uyên P (sinh ngày 28/10/2017). Hiện nay, các con chung đang ở với ông Lê Hữu P và ông bà nội, nên bà đề nghị để ông P trực tiếp nuôi dưỡng các con. Trong thời gian qua, bà có đóng góp tiền để nuôi các con là 1.500.000 đồng/tháng (mỗi con 500.000 đồng).

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 05.11.2019, bị đơn ông Lê Hữu P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như lời trình bày của bà Trịnh Thị Thùy T. Còn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bà T có quan hệ ngoại tình, bỏ đi khỏi nhà, đã có con riêng, mọi việc đều do lỗi của bà T. Ông và gia đình không chấp nhận việc làm này của bà T nên ông không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được ly hôn theo như đơn khởi kiện của bà T.

- Về con chung: Ông Lê Hữu P thống nhất xác nhận vợ chồng có ba con chung như bà T trình bày là đúng. Từ khi các con được sinh ra cho đến lúc bà T bỏ đi, các con đều được ông và ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng. Bà T bỏ đi khi con chung Lê Uyên P chưa đến một tuổi. Vì vậy, ông thống nhất sẽ trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Lê Uyên Uyên N (sinh ngày 17/7/2013), Lê Hữu Thiện M (sinh ngày 05/11/2015), Lê Uyên P (sinh ngày 28/10/2017) đồng thời yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/03con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có. Ngoài ra, ông Lê Hữu P đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị Thùy T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Lê Hữu P.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa ông Lê Hữu P và bà Trịnh Thị Thùy T là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; giao các

con chung cho ông Lê Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng và buộc bà Trịnh Thị Thùy T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Hữu P. Đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Hữu P trú tại: 539 đường X, phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông Lê Hữu P yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Bà Trịnh Thị Thùy T và ông Lê Hữu P tự nguyện kết hôn vào năm 2012, Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2012; quyển số 01/2012; đăng ký ngày 27.11.2012 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị Thùy T:

Bà Trịnh Thị Thùy T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi cọ, ông P đánh đập bà nhiều lần. Tuy nhiên, ông Lê Hữu P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T có quan hệ với người đàn ông khác. Kết quả xác minh tại địa phương cũng cho thấy lời trình bày của ông Lê Hữu P là có căn cứ. Mặt khác, bà Trịnh Thị Thùy T cũng thừa nhận hiện nay bà đang chung sống với người khác. Như vậy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu xuất phát từ phía bà T, nên việc bà yêu cầu được ly hôn là chưa đủ cơ sở để xem xét nếu như ông P không đồng ý. Về phía bị đơn ông Lê Hữu P, mặc dù đã được Tòa án mời tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông vắng mặt. Tuy nhiên, ông P cũng đã có bản khai khẳng định không chấp nhận việc bà T có quan hệ ngoại tình và thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà T được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Trịnh Thị Thùy T và ông Lê Hữu P là trầm trọng, đã sống ly thân, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Thị Thùy T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Bà Trịnh Thị Thùy T và ông Lê Hữu P có ba con chung là: Lê Uyển Uyên N (sinh ngày 17/7/2013), Lê Hữu Thiện M (sinh ngày 05/11/2015) và Lê Uyên P (sinh ngày 28/10/2017). Xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay các con chung đều ở với ông Lê Hữu P và ông bà nội. Mặc dù, hiện nay cháu Lê Uyên P chưa đủ 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, khi bà Tr bỏ đi thì các con chung còn rất nhỏ, ông P và gia đình vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Hiện tại bà T không có chỗ ở riêng, không có công việc, thu nhập ổn định nên đề nghị để ông P là người trực tiếp nuôi con; ông Lê Hữu P cũng đồng ý và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đồng thời yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử giao các con chung Lê Uyển Uyên N, Lê Hữu Thiện M, Lê Uyên P cho ông Lê Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng và buộc bà Trịnh Thị Thùy T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (500.000 đồng/con) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ngoài ra, bà Trịnh Thị Thùy T xác nhận trong thời gian bỏ đi, bà đã có một con riêng, hiện chưa đặt tên, chưa đăng ký khai sinh. Theo quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Tuy nhiên, cả bà T và ông P đều thống nhất xác nhận đây là con riêng của bà T, không có tranh chấp và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị Thùy T và ông Lê Hữu P xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà Trịnh Thị Thùy T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” của bà Trịnh Thị Thùy T đối với ông Lê Hữu P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trịnh Thị Thùy T được ly hôn với ông Lê Hữu P.

2. Về quan hệ con chung: Giao các con chung tên Lê Uyển Uyên N (sinh ngày 17/7/2013), Lê Hữu Thiện M (sinh ngày 05/11/2015) và Lê Uyên P (sinh ngày 28/10/2017) cho ông Lê Hữu P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trịnh Thị Thùy T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng (mỗi con

500.000 đồng), kể từ tháng 12/2019 cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Trịnh Thị Thùy T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 7375 ngày 19.8.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà Trịnh Thị Thùy T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà T phải tiếp tục thi hành số tiền này.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị Thùy T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Lê Hữu P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Diện

